

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 3 số 0301055612 ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch
Ông Tạ Thái Mẫn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Lê Hoàng Thanh Thảo	Thành viên (miễn nhiệm từ 30/12/2015)
Ông Lê Phương Nam	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Thành viên (bổ nhiệm từ 30/12/2015)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Phan Sum	Thành viên (miễn nhiệm từ 30/12/2015)
Bà Bùi Nguyễn Tường Anh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngoạn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 01/07/2015)
Ông Lê Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ tháng 09/2015)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Số: 16.284/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông****Các thành viên Ban Tổng Giám đốc****CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 02 năm 2016 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.510.889.576	60.806.354.761
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	19.703.091.700	7.871.282.800
1. Tiền	111		13.703.091.700	7.871.282.800
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	31.598.713.000	34.067.260.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		541.439.298	541.439.298
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(142.726.298)	(224.179.298)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		31.200.000.000	33.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.182.684.876	18.670.041.628
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	12.370.336.318	14.847.075.784
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			30.250.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	2.812.348.558	3.792.715.844
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.400.000	197.770.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.400.000	24.000.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.8)		173.770.333
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.447.887.007	46.965.477.383
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.667.615.300	22.863.158.700
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	15.667.615.300	22.863.158.700
II. Tài sản cố định	220		3.672.765.599	4.105.492.103
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	3.672.765.599	4.105.492.103
Nguyên giá	222		5.642.794.426	5.642.794.426
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.970.028.827)	(1.537.302.323)
III. Bất động sản đầu tư	230	(5.7)	8.683.966.847	10.241.496.287
Nguyên giá	231		23.369.528.709	23.369.528.709
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.685.561.862)	(13.128.032.422)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		351.238.191	351.238.191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.5)	351.238.191	351.238.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	12.072.301.070	9.140.092.102
1. Đầu tư vào công ty con	251		7.500.000.000	7.500.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.800.000.000	1.800.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(527.698.930)	(459.907.898)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.300.000.000	300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260			264.000.000
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			264.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		106.958.776.583	107.771.832.144

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.796.695.703	50.242.185.252
I. Nợ ngắn hạn	310		10.594.212.580	9.261.801.709
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.8)	7.803.118.124	5.684.179.795
2. Phải trả người lao động	314	(5.9)	1.510.914.903	1.267.775.763
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		55.000.000	55.000.000
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		27.500.000	
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.10)	49.253.927	1.266.847.306
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.11)	1.148.425.626	987.998.845
II. Nợ dài hạn	330		38.202.483.123	40.980.383.543
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			25.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.10)	38.202.483.123	40.955.383.543
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.162.080.880	57.529.646.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.12.1)	58.162.080.880	57.529.646.892
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.12.2)	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.084.803.063	21.339.810.829
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(5.12.5)	6.077.277.817	6.189.836.063
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.489.836.063	3.173.750.796
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.587.441.754	3.016.085.267
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		106.958.776.583	107.771.832.144

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ TẤN TÀI

LÊ MẠNH HÙNG

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	190.281.180.128	166.332.076.587
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		190.281.180.128	166.332.076.587
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	174.559.578.540	151.647.015.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.721.601.588	14.685.061.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	4.735.925.423	3.725.257.481
7. Chi phí tài chính	22		84.845.162	(95.471.408)
Trong đó, chi phí lãi vay	23		31.370.273	12.214.854
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.4)	12.460.456.292	12.334.220.360
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.912.225.557	6.171.569.626
11. Thu nhập khác	31	(6.5)	1.203.636.364	1.800.000.000
12. Chi phí khác	32		10.909.090	
13. Lợi nhuận khác	40		1.192.727.274	1.800.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.104.952.831	7.971.569.626
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	1.391.030.492	1.219.543.909
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		264.000.000	520.357.990
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.449.922.339	6.231.667.727

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ TẤN TÀI

LÊ MẠNH HÙNG

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.104.952.831	7.971.569.626
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.990.255.944	1.893.192.768
Các khoản dự phòng	03		(13.661.968)	(201.009.300)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(29.271.753)	(10.417.872)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.639.653.670)	(3.631.219.609)
Chi phí lãi vay	06		31.370.273	12.214.854
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.443.991.657	6.034.330.467
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.377.111.485	3.043.533.464
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.886.065.565)	(4.841.302.305)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.400.000)	
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			66.700.000
Tiền lãi vay đã trả	14		(31.370.273)	(12.214.854)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.053.691.257)	(2.776.282.243)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		300.000.000	260.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.257.061.570)	(1.136.540.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.890.514.477	638.223.929
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(1.282.536.364)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(63.150.000.000)	(48.550.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		62.633.000.000	46.800.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			143.413.900
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.186.212.670	4.202.411.609
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.669.212.670	1.313.289.145

(Phần tiếp theo ở trang 9)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.922.590.830	6.260.293.006
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.922.590.830)	(6.260.293.006)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.757.190.000)	(5.043.019.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.757.190.000)	(5.043.019.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		11.802.537.147	(3.091.505.926)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.871.282.800	10.952.370.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.271.753	10.417.872
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		19.703.091.700	7.871.282.800

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ TÂN TÀI

LÊ MẠNH HÙNG

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 3 số 0301055612 ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND.

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	15.300.000.000	51%	15.300.000.000	51%
Các cổ đông khác	14.700.000.000	49%	14.700.000.000	49%
Cộng	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.038 (31/12/2014: 2.705). Trong đó, nhân viên chính tại Văn phòng Công ty là 33 (31/12/2014: 35).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đa ngành; dịch vụ tiếp thị bia.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ tiếp thị bia;
- Các hoạt động liên quan đến bất động sản, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (trừ cho thuê đất), cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ cho mục đích kinh doanh (văn phòng làm việc, ki-ốt, trung tâm thương mại);
- Cho thuê kho, bãi đậu xe;
- Dịch vụ nhà đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Nhân Lực	16 Phùng Khắc Khoan, P.Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Du Lịch	16 Phùng Khắc Khoan, P.Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	16 Phùng Khắc Khoan, P.Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.17.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản kỳ cược, kỳ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2015

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm

4.8. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 13 năm
+ Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
+ Bất động sản đầu tư khác	10 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4.9. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như khoản phí kiểm toán được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Trong năm 2015, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận căn cứ theo Điều lệ của Công ty đối với tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2015, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Quỹ dự phòng tài chính trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập 15% trên lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ đầu tư phát triển trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế.
- Chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 14% trên mệnh giá cổ phiếu.

4.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.14. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.

4.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|-----|
| ▪ Dịch vụ cung ứng lao động | 10% |
| ▪ Dịch vụ cho thuê nhà và ủy thác thuê nhà | 10% |

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.17. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	3.792.715.844	3.754.215.844
Tài sản ngắn hạn khác	-	38.500.000
Phải thu dài hạn khác	22.863.158.700	-
Tài sản dài hạn khác	-	22.863.158.700
Tài sản cố định hữu hình (Nguyên giá)	5.642.794.426	24.400.664.851
Bất động sản đầu tư (Nguyên giá)	23.369.528.709	4.611.658.284
Tài sản cố định hữu hình (Giá trị hao mòn lũy kế)	(1.537.302.323)	(10.053.676.461)
Bất động sản đầu tư (Giá trị hao mòn lũy kế)	(13.128.032.422)	(4.611.658.284)
Quỹ đầu tư phát triển	21.339.810.829	17.626.140.986
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.713.669.843

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

VND

	Năm trước	Năm trước
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	3.043.533.464	(2.768.309.936)
Tăng, giảm các khoản phải trả	(4.841.302.305)	5.744.941.515
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	260.000.000	349.080.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.136.540.600)	(6.000.021.020)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng; ký cược, ký quỹ ngắn hạn	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Ký cược, ký quỹ dài hạn	Trình bày là phải thu dài hạn khác	Trình bày là tài sản dài hạn khác
Dòng tiền từ ký quỹ, ký cược	Trình bày là tăng, giảm các khoản phải thu, phải trả	Trình bày là tiền thu, chi khác từ hoạt động kinh doanh

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	196.136.087	154.871.896
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.506.955.613	7.716.410.904
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
Cộng	19.703.091.700	7.871.282.800

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư cổ phiếu:							
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	169.179.000	-	169.179.000	169.179.000	(71.634.000)	97.545.000	
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	134.827.022	(87.643.022)	47.184.000	134.827.022	(97.867.022)	36.960.000	
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	59.389.600	(31.789.600)	27.600.000	59.389.600	(26.509.600)	32.880.000	
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	140.000.000	-	140.000.000	140.000.000	(8.000.000)	132.000.000	
Đầu tư cổ phiếu vào công ty khác	38.043.676	(23.293.676)	14.750.000	38.043.676	(20.168.676)	17.875.000	
Cộng	541.439.298	(142.726.298)	398.713.000	541.439.298	(224.179.298)	317.260.000	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng với lãi suất từ 6,3%/năm đến 6,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con:							
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	500.000.000	(459.907.898)	40.092.102	500.000.000	(459.907.898)	40.092.102	
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Du Lịch	2.000.000.000	(67.791.032)	1.932.208.968	2.000.000.000	-	2.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Nhân Lực	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	
Cộng	7.500.000.000	(527.698.930)	6.972.301.070	7.500.000.000	(459.907.898)	7.040.092.102	

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Dầu Tự Căn Hộ Xanh CT - Dầu Khí	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000	-	1.800.000.000
--	---------------	---	---------------	---------------	---	---------------

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.3. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam	12.216.744.506	14.122.009.281
Phải thu đối tượng khác	153.591.812	725.066.503
Cộng	12.370.336.318	14.847.075.784

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam - Xem thêm mục 7	12.216.744.506	14.122.009.281
--	----------------	----------------

5.4. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu tiền hỗ trợ từ Công ty Đầu Tư Cấn Hộ Xanh CT - Dầu khí	-	-	1.200.000.000	-
Phải thu tiền BHXH của Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam - Xem thêm mục 7	1.666.885.858	-	1.944.175.144	-
Phải thu chi phí thẩm định dự án khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM	280.692.700	-	280.692.700	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	847.770.000	-	329.348.000	-
Phải thu người lao động	11.000.000	-	32.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Cộng	2.812.348.558	-	3.792.715.844	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Dài hạn:

Đặt cọc tiền thuê nhà số 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	13.562.615.300	-	20.758.158.700	-
Đặt cọc tiền thuê nhà số 16 Phùng Khắc Hoan, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	50.000.000	-	50.000.000	-
Đặt cọc thuê nhà B2-201 Tháp Boulevard, City Garden	55.000.000	-	55.000.000	-
Khoản ký quỹ tại Ngân hàng Đông Á để xin giấy phép cho thuê lại lao động	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng	15.667.615.300	-	22.863.158.700	-

5.5. Tài sản dở dang dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ	224.246.809	224.246.809
Công trình 223 Bến Bình Đông	126.991.382	126.991.382
Cộng	351.238.191	351.238.191

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**VND**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	2.660.293.209	2.950.179.992	32.321.225	5.642.794.426
Số dư cuối năm	<u>2.660.293.209</u>	<u>2.950.179.992</u>	<u>32.321.225</u>	<u>5.642.794.426</u>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu năm	931.102.620	573.878.478	32.321.225	1.537.302.323
Khấu hao trong năm	106.411.728	326.314.776	-	432.726.504
Số dư cuối năm	<u>1.037.514.348</u>	<u>900.193.254</u>	<u>32.321.225</u>	<u>1.970.028.827</u>

Giá trị còn lại:

Tại ngày đầu năm	1.729.190.589	2.376.301.514	-	4.105.492.103
Tại ngày cuối năm	<u>1.622.778.861</u>	<u>2.049.986.738</u>	<u>-</u>	<u>3.672.765.599</u>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 371.983.035 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**VND**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê:			
Nguyên giá:			
Nhà cửa vật kiến trúc	15.588.307.115	-	15.588.307.115
Cơ sở hạ tầng	7.781.221.594	-	7.781.221.594
Cộng	23.369.528.709	-	23.369.528.709
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Nhà cửa vật kiến trúc	8.170.326.000	1.063.978.536	9.234.304.536
Cơ sở hạ tầng	4.957.706.422	493.550.904	5.451.257.326
Cộng	13.128.032.422	1.557.529.440	14.685.561.862
Giá trị còn lại:			
Nhà cửa vật kiến trúc	7.417.981.115		6.354.002.579
Cơ sở hạ tầng	2.823.515.172		2.329.964.268
Cộng	10.241.496.287		8.683.966.847

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.678.763.816 đồng.

Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư chưa được Công ty đánh giá và xác định lại giá trị vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê các tài sản này và giá thị trường của đất, Ban Giám đốc công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này cao hơn tổng giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu:	Phải nộp:			Phải thu:	Phải nộp:
Thuế giá trị gia tăng	-	1.504.924.727	18.864.906.930	19.078.949.698	-	1.290.881.959
Thuế thu nhập doanh nghiệp	173.770.333	-	1.391.030.492	1.053.691.257	-	163.568.902
Thuế thu nhập cá nhân	-	100.749.664	614.473.715	659.038.120	-	56.185.259
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	4.002.570.000	2.700.804.498	436.724.498	-	6.266.650.000
Thuế môn bài	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Các loại thuế, lệ phí khác	-	75.935.404	1.954.776.127	2.004.879.527	-	25.832.004
Cộng	173.770.333	5.684.179.795	25.535.991.762	23.243.283.100	-	7.803.118.124

5.9. Phải trả người lao động

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả lương nhân viên trong công ty	1.459.293.000	1.229.447.000
Phải trả lương nhân viên ngoài công ty	51.621.903	38.328.763
Cộng	1.510.914.903	1.267.775.763

5.10. Phải trả khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	54	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.900.000	59.090.000
Tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí	-	1.200.000.000
Nhân viên tiếp thị bia	41.204.833	1.970.066
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.149.040	5.787.240
Cộng	49.253.927	1.266.847.306

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Dài hạn:

Nhận đặt cọc tiền thuê nhà số 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	37.795.483.123	40.569.883.543
Nhận đặt cọc thuê nhà 20 Nguyễn Thị Nhỏ, Quận 5, TP.HCM	82.000.000	82.000.000
Nhận đặt cọc thuê kho 223 Bến Bình Đông, Quận 8, TP.HCM	-	105.000.000
Nhận đặt cọc thuê nhà 429 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP.HCM	20.000.000	13.500.000
Nhận đặt cọc thuê nhà 252 Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5, TP.HCM	30.000.000	30.000.000
Nhận đặt cọc hợp tác kinh doanh tại 8-10 Châu Văn Liêm, Quận 5, TP.HCM	100.000.000	100.000.000
Nhận đặt cọc thuê nhà B2-201 City Garden, 59 Ngô Tất Tố, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	55.000.000	55.000.000
Nhận đặt cọc hợp tác kinh doanh tại 223 Bến Bình Đông, Quận 8, TP.HCM	120.000.000	-
Cộng	38.202.483.123	40.955.383.543

5.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	987.998.845	929.789.286
Trích lập trong năm	1.117.488.351	934.750.159
Tăng khác	300.000.000	260.000.000
Sử dụng trong năm	(1.257.061.570)	(1.136.540.600)
Số dư cuối năm	1.148.425.626	987.998.845

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.12. Vốn chủ sở hữu**5.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

VND

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	17.314.557.600	3.402.086.457	7.031.085.267	57.747.729.324
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.231.667.727	6.231.667.727
Trích lập quỹ	-	311.583.386	311.583.386	(1.557.916.931)	(934.750.159)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.100.000.000)	(5.100.000.000)
Thưởng Ban Quản lý, điều hành	-	-	-	(415.000.000)	(415.000.000)
Tăng quỹ đầu tư phát triển từ quỹ dự phòng tài chính	-	3.713.669.843	(3.713.669.843)	-	-
Số dư đầu năm nay	<u>30.000.000.000</u>	<u>21.339.810.829</u>	<u>-</u>	<u>6.189.836.063</u>	<u>57.529.646.892</u>
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.449.922.339	7.449.922.339
Trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn	-	744.992.234	-	(744.992.234)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.117.488.351)	(1.117.488.351)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>30.000.000.000</u>	<u>22.084.803.063</u>	<u>-</u>	<u>6.077.277.817</u>	<u>58.162.080.880</u>

5.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	15.300.000.000	51%	15.300.000.000	51%
Các cổ đông khác	14.700.000.000	49%	14.700.000.000	49%
Cộng	<u>30.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>100%</u>

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.12.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm	5.757.190.000	5.043.019.000

5.12.4. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.12.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	6.189.836.063	7.031.085.267
Chia cổ tức năm trước và năm nay	(5.700.000.000)	(5.100.000.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	7.449.922.339	6.231.667.727
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(744.992.234)	(311.583.386)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	(311.583.386)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.117.488.351)	(934.750.159)
Thưởng Ban Quản lý điều hành	-	(415.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	6.077.277.817	6.189.836.063

5.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	27.223,25	37.214,70

(Phần tiếp theo ở trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:		
Doanh thu cung ứng lao động	169.034.757.712	145.157.092.267
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	21.246.422.416	21.174.984.320
Cộng	190.281.180.128	166.332.076.587

Doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 7:

Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam	167.810.084.764	137.784.362.064
-----------------------------------	-----------------	-----------------

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ cung ứng lao động	162.783.845.962	139.663.375.421
Giá vốn của dịch vụ cho thuê nhà, mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	11.775.732.578	11.983.640.069
Cộng	174.559.578.540	151.647.015.490

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.695.987.670	3.094.220.009
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.010.666.000	620.619.600
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.271.753	10.417.872
Cộng	4.735.925.423	3.725.257.481

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.005.281.600	6.214.666.800
Chi phí vật liệu quản lý	21.453.637	172.440.911
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.558.309	31.340.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	432.726.504	299.128.964
Thuế, phí và lệ phí	2.274.080.000	2.411.542.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.124.129.892	1.227.646.831
Chi phí bằng tiền khác	1.568.226.350	1.977.454.628
Cộng	12.460.456.292	12.334.220.360

6.5. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT- Dầu khí	1.200.000.000	1.800.000.000
Lãi thanh lý CCDC	3.636.364	-
Cộng	1.203.636.364	1.800.000.000

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	169.615.264.362	145.699.335.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.990.255.944	1.893.192.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.905.608.532	10.876.965.891
Chi phí khác bằng tiền	4.508.905.994	5.511.741.970
Cộng	187.020.034.832	163.981.235.850

(Phần tiếp theo ở trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.391.030.492	1.219.543.909
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.391.030.492	1.219.543.909

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	9.104.952.831	7.971.569.626
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	428.579.040	481.677.239
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(3.210.666.000)	(2.909.865.460)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	6.322.865.871	5.543.381.405
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.391.030.492	1.219.543.909

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế không được xem là chi phí được khấu trừ khi tính thuế TNDN như các khoản chi phí không hóa đơn chứng từ; chi phí nợ dự phòng phải thu khó đòi, chi phí phạt thuế, chi phí hoa hồng.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế khác là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, phải thu có gốc ngoại tệ, cổ tức lợi nhuận được chia.

(Phần tiếp theo ở trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Du Lịch	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Nhân Lực	Công ty con
5. Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam	Chủ tịch HĐQT là Thành viên HĐQT Công ty mẹ
6. Hội đồng quản trị	Nhân sự quản lý chủ chốt
7. Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt
8. Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.3	12.216.744.506	14.122.099.281
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.4	1.666.885.858	1.944.175.144
Cộng	13.883.630.364	16.066.274.425

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ - xem thêm mục 6.1	167.810.084.764	137.784.362.064
Sử dụng dịch vụ	-	228.965.855
Cho vay	-	250.000.000

- Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	2.555.738.000	1.679.624.000
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	372.000.000	367.625.000
Cộng	2.927.738.000	2.047.249.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ TÂN TÀI

LÊ MẠNH HÙNG

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG